

Image may differ from product. See technical specification for details.

Cụm ổ bi mặt bích vuông có khóa ConCentra của SKF, series hệ mét

FYNT 70 F

Cụm ổ bi mặt bích vuông có khóa ConCentra của SKF, series hệ mét

Cụm ổ bi có mặt bích vuông được trang bị ổ tang trống được lắp trên gối đỡ bằng gang, có thể được cố định bằng bu lông với vách của thiết bị. Đây là cụm ổ bi mạnh mẽ và lắp được ngay, được lắp ráp, bôi trơn và làm kín tại nhà máy giúp mang lại tuổi thọ làm việc tối đa. Cụm ổ bi lắp đặt đơn giản, dễ cân chỉnh và sử dụng công nghệ khóa ConCentra tin cậy của SKF góp phần mang lại khả năng hoạt động êm ái.

- Lắp được ngay
- Được bôi trơn và làm kín sẵn tại nhà máy
- Tuổi thọ làm việc cao
- Yêu cầu bảo trì ở mức tối thiểu

Phần tổng quát

Kích thước

| | |
|-------------------------------------|---------|
| Đường kính trục | 70 mm |
| Chiều rộng tổng thể của gối đỡ | 82 mm |
| Chiều rộng, tổng | 81.3 mm |
| Khoảng cách tâm giữa các lỗ bu lông | 152 mm |
| Đường kính bu lông đế | 16 mm |
| Chiều rộng ổ bi, tổng thể | 72 mm |

Hiệu suất

| | |
|---------------------------------|-------------|
| Tải trọng động cơ bản danh định | 208 kN |
| Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 228 kN |
| Tốc độ giới hạn | 2 600 r/min |

Tính năng

| | |
|---------------------------------------|----------------------|
| Loại gối đỡ | Có mặt bích |
| Gối đỡ loại mặt bích | Vuông |
| Số lượng lỗ bu lông dùng cho then cài | 4 |
| Lắp ổ bi | Ổ tang trống |
| Phương tiện giữ lại, vòng trong | SKF ConCentra |
| Vị trí ổ bi | Định vị |
| Loại lỗ | Hình trụ |
| Vật liệu, gối đỡ | Gang |
| Vật liệu, vòng bi | Thép vòng bi |
| Lớp mạ | Không có |
| Loại phốt gối đỡ của vòng bi | Phốt môi hướng kính |
| Làm kín, cụm | Nắp che đầu tùy chọn |
| Mỡ bôi trơn | Mỡ |
| Lỗ tái bôi trơn | Với |
| Đầu bơm mỡ (vú mỡ) | Với |

Điều phối

| | |
|-------------------------------|---------|
| Trọng lượng tịnh của sản phẩm | 10.8 kg |
|-------------------------------|---------|

Mã eClass

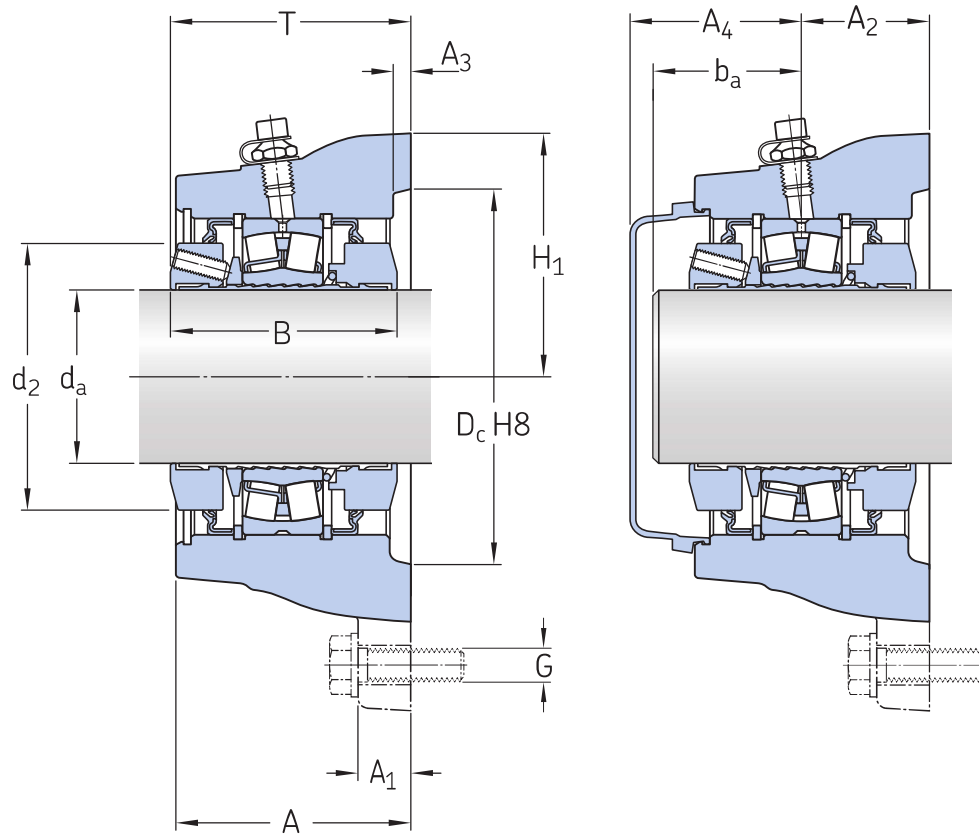
23-05-16-90

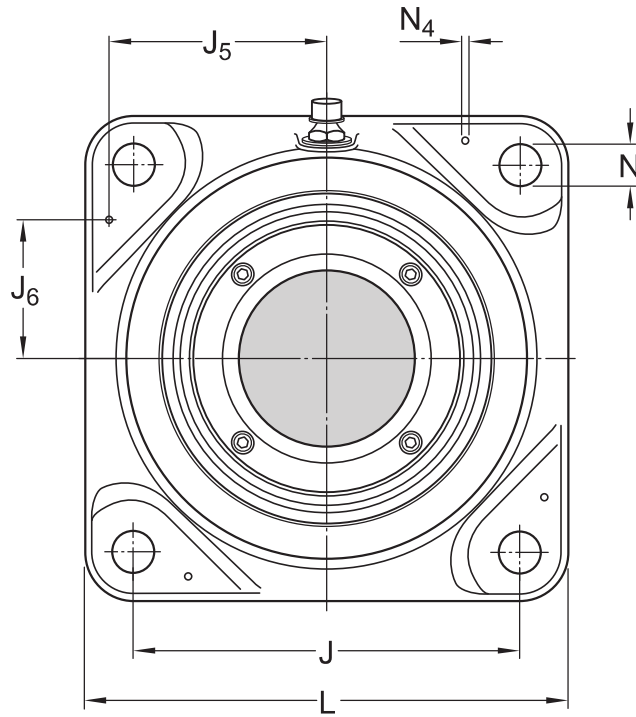
Mã UNSPSC

31171537

Thông số kỹ thuật

| | |
|------------------------------|---------------------|
| Series theo hệ mét/inch | Hệ mét |
| Lắp ổ bi | Ổ tang trống |
| Vị trí ổ bi | Định vị |
| Phương pháp khóa | SKF ConCentra |
| Loại phốt gối đỡ của vòng bi | Phốt môi hướng kính |





Kích thước

| | | |
|-------|---------|---|
| d_a | 70 mm | Đường kính trục |
| d_2 | 96 mm | Đường kính ngoài của vòng |
| A | 82 mm | Chiều rộng gối đỡ |
| A_1 | 25 mm | Độ dày mặt bích |
| A_2 | 42.8 mm | Từ mặt được gia công cắt gọt đến đường tâm của ổ bi |
| A_3 | 6 mm | Chiều sâu lỗ định tâm |
| B | 72 mm | Chiều rộng vòng trong |
| D_c | 150 mm | Đường kính lỗ định tâm |
| J | 152 mm | Khoảng cách của các bu lông để |
| L | 196 mm | Chiều dài gối đỡ |
| N | 19 mm | Đường kính lỗ bu lông |
| T | 81.3 mm | Chiều rộng toàn bộ |

ĐẦU TRỤC

| | | |
|-------|-------|---|
| A_4 | 80 mm | Khoảng cách từ đường tâm ổ bi đến nắp che dầu |
|-------|-------|---|

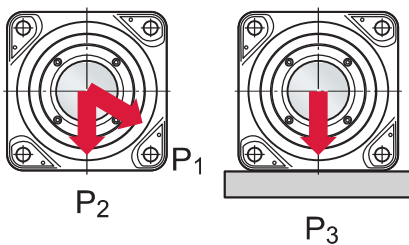
| | | |
|-------|------------|--|
| b_a | max. 70 mm | Khoảng cách từ đường tâm ổ bi đến đầu trục |
| b_a | min. 38 mm | Khoảng cách từ đường tâm ổ bi đến đầu trục |

CHỐT ĐỊNH VỊ

| | | |
|-------|-----------|------------------------------|
| J_5 | 87 mm | Khoảng cách các chốt định vị |
| J_6 | 54 mm | Khoảng cách các chốt định vị |
| N_4 | max. 8 mm | Đường kính lỗ chốt |

Dữ liệu tính toán

| | | |
|------------------------------------|-------|-------------|
| Tải trọng động cơ bản danh định | C | 208 kN |
| Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | C_0 | 228 kN |
| Giới hạn tải trọng mỗi | P_u | 25.5 kN |
| Tốc độ giới hạn | | 2 600 r/min |
| Trị số giới hạn | e | 0.22 |
| Hệ số tính toán | Y_1 | 3 |
| Hệ số tính toán | Y_2 | 4.6 |
| Hệ số tính toán | Y_0 | 2.8 |
| Đường kính trung bình của ổ bi | d_m | 97.5 mm |
| Lực giữ hướng trục của cơ cấu khóa | P_a | 20 kN |



Tải trọng phá hủy

| | | |
|-------|--------|-------------------|
| P_1 | 150 kN | Tải trọng phá hủy |
| P_2 | 140 kN | Tải trọng phá hủy |

P₃

340 kN

Tải trọng phá hủy

Thông tin lắp ráp

| | | |
|-----------------------------------|---|---------|
| Đường kính bu lông đế | G | 16 mm |
| Mômen siết đối với bu lông đế | | 200 N·m |
| Vít hãm | | M6 |
| Số vít hãm | | 4 |
| Mômen siết đối với vít hãm | | 8 N·m |
| Lượng mỡ sử dụng khi tái bôi trơn | | 8 g |

Sản phẩm tương thích

Sản phẩm được khuyến cáo

Nắp che đầu cho cụm ổ bi

[ECY 214](#)

Điều khoản sử dụng

Bằng cách truy cập và sử dụng trang web / ứng dụng này do AB SKF sở hữu và phát hành (ấn phẩm) (556007-3495 · Gothenburg) ("SKF"), quý vị đồng ý với các điều khoản và điều kiện sau:

Khước từ Trách nhiệm Đảm Bảo và Giới Hạn Trách Nhiệm Pháp Lý

Mặc dù đã cố gắng đảm bảo sự chính xác của thông tin trong trang web / ứng dụng này, SKF cung cấp những thông tin này "NGUYÊN TRẠNG" và TỪ CHỐI TẤT CẢ ĐẢM BẢO DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ ĐƯỢC TRÌNH BÀY RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐẢM BẢO ĐƯỢC NGỤ Ý VỀ TÍNH THƯƠNG MẠI VÀ TÍNH PHÙ HỢP ĐỐI VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ NÀO ĐÓ. Quý vị chấp nhận toàn bộ rủi ro khi sử dụng trang web / ứng dụng này, chịu hoàn toàn trách nhiệm với mọi chi phí liên quan tới việc sử dụng trang web / ứng dụng này, và SKF không phải chịu trách nhiệm với bất kỳ thiệt hại trực tiếp, ngẫu nhiên, hậu quả hoặc gián tiếp nào phát sinh do quý vị truy cập hoặc sử dụng thông tin hoặc phần mềm được cung cấp trên trang web / ứng dụng này.

Mọi đảm bảo và nội dung trình bày trong trang web / ứng dụng này về các sản phẩm hoặc dịch vụ của SKF mà quý vị mua hoặc sử dụng tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện được thống nhất trong hợp đồng dành cho sản phẩm hoặc dịch vụ đó.

Hơn nữa, đối với những trang web / ứng dụng không phải của SKF nhưng được đề cập tới trong trang web / ứng dụng của chúng tôi hoặc thông qua siêu liên kết nào đó, SKF không bảo đảm về tính chính xác hoặc độ tin cậy của thông tin trong đó và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tài liệu do các bên thứ ba tạo ra hoặc công bố trong đó. Ngoài ra, SKF không bảo đảm rằng trang web / ứng dụng này hoặc những trang web / ứng dụng được liên kết khác không chứa virus hay các thành phần gây hại.

Dịch Vụ của Bên Thứ Ba

Khi xem nội dung YouTube qua (các) trang web của SKF (tức là sử dụng [Các Dịch Vụ API của YouTube](#)), quý vị đồng ý bị ràng buộc bởi [Điều khoản Dịch vụ của YouTube](#).

Bản quyền

Bản quyền trong trang web / ứng dụng này và bản quyền đối với thông tin hoặc phần mềm được cung cấp trong trang web / ứng dụng này thuộc về SKF hoặc những người cấp phép cho SKF. Tất cả các quyền được bảo hộ. Mọi tài liệu được cấp phép đều có đề cập tới tên người đã cấp phép để SKF được sử dụng tài liệu đó. Thông tin và phần mềm được cung cấp trên trang web / ứng dụng này không được phép sao lại, sao lục, sao chép, chuyển nhượng, phát tán, lưu trữ, sửa đổi, tái xuống hoặc khai thác nhằm mục đích thương mại khi chưa được SKF chấp thuận trước bằng văn bản. Tuy nhiên, các cá nhân có thể sao lại, lưu trữ và tái xuống để sử dụng mà không cần được SKF chấp thuận trước bằng văn bản. Trong mọi trường hợp, không được cung cấp các thông tin và phần mềm này cho các bên thứ ba.

Trang web / ứng dụng này có chứa một số hình ảnh được sử dụng theo sự cấp phép của Shutterstock, Inc.

Thương hiệu và Bằng sáng chế

Mọi thương hiệu, nhãn hiệu và logo doanh nghiệp hiển thị trên trang web / ứng dụng là tài sản của SKF hoặc những người cấp phép cho công ty, không được phép sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được SKF chấp thuận trước bằng văn bản. Mọi thương hiệu được cấp phép công bố trên trang web / ứng dụng này đều có đề cập tới tên người đã cấp phép để SKF được sử dụng. Việc truy cập trang web / ứng dụng này không có nghĩa là người sử dụng được cấp phép theo bất kỳ bằng sáng chế nào do SKF sở hữu hoặc được cấp phép.

Sửa đổi

SKF có quyền thực hiện sửa đổi hoặc bổ sung đối với các trang web / ứng dụng này bất kỳ lúc nào.